



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING

No.13, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be Ward, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên iOS và Android, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 28/2026

(08/07/2025 – 14/07/2026)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, tuần qua chỉ số BDI tiếp tục tăng thêm 109 điểm (↑3,79%) lên 2.875 điểm. Tổng quan các chỉ số thuê tàu như sau: Capesize BCI tích lũy thêm 271 điểm (↑6%) lên 4.751. Các phân khúc sau có xu hướng chững lại: Panamax BPI nhích nhẹ thêm 6 điểm (↑0,2%) lên 2.251 điểm. Supramax BSI tăng thêm 24 điểm (↑1,4%) lên 1.710 điểm, trong khi đó Handysize tiếp tục giảm 14 điểm (↓1,5%) còn 909 điểm. Đối với hoạt động mua bán tàu tuần qua, ghi nhận nhiều tàu được chào ra thị trường song việc đàm phán chốt tàu có xu hướng chậm lại. Nguyên nhân có lẽ là do lệnh ngừng bán giữa Mỹ và Iran đổ vỡ, Mỹ tiếp tục tái phong tỏa eo biển Hormuz. Trước thêm căng thẳng địa chính trị gia tăng, thị trường buộc lòng phải đánh giá lại nguy cơ gián đoạn nguồn cung dầu. Hoạt động mua bán tàu tuần qua trải đều từ Capesize về Handysize. Ở phân khúc Supramax, chủ tàu UAE bán tàu **Everest** (57.480 dwt, đóng 2012 Hàn Quốc, DD/SS 08/2027) cho Người mua Trung Quốc với giá khoảng 16,5 triệu đô la Mỹ. Mức này là mềm nếu so với tàu có trọng tải nhỏ hơn **Unity Maria** (55.705 dwt, đóng 2012 Hàn Quốc, DD/SS 09/2027) vừa được bán với giá khoảng 16,5 triệu đô la Mỹ. Cũng trong tuần qua ghi nhận thêm hai tàu Supramax già bán thành công. Tàu **Ocean Hiryu** (52.982 dwt, đóng 2003 Nhật, DD 07/2026, SS 06/2028) được chủ tàu Singapore chốt với giá khoảng 7,9 triệu đô la Mỹ. Tàu **Thor Infinity** (52.383 dwt, đóng 2002 xưởng Tsuneishi Cebu, Philippines, DD/SS 01/2027) được chủ tàu Thái bán cho Người mua Trung Quốc với giá khoảng 7,8 triệu đô la Mỹ. Nhìn chung, hiện nay tàu Supramax già được chào bán rất nhiều trên thị trường song vẫn kém hấp dẫn, do tâm lý chung của Người mua vẫn muốn săn tìm tàu dưới 20 tuổi. Sang phân khúc Handysize, chủ tàu Nhật bán thành công tàu **Asahi Ocean** (32.085 dwt, đóng 2013 Nhật, DD 11/2028, SS 10/2030) với giá khoảng 15,2 triệu đô la Mỹ - mức khá hợp lý trong thị trường hiện nay.

Ở mảng tàu dầu/hoá chất, các chỉ số thuê tàu đã nhích lên sau vài tuần. Tuần qua chỉ số BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) tăng vọt 206 điểm (↑10,6%) lên 2.145 điểm. Chỉ số BCTI (Baltic Clean Tanker Index) cũng tăng thêm 161 điểm (↑15,8%) lên 1.176 điểm. Giao dịch mua bán tàu cực kỳ nhỏ giọt hoặc kín tiếng. Chỉ ghi nhận duy nhất thương vụ bán tàu **MFM Memphis** (48.020 dwt, đóng 2011 Nhật) với giá khoảng 26 triệu đô la Mỹ. Trước đó, có tin tàu tương tự **Xingtong 799** (49.962 dwt, đóng 2011 Nhật) được chốt xung quanh 27,5 triệu đô la Mỹ song không thành công, tàu hiện vẫn được chào bán.

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS / GENERAL CARGO CARRIERS						
Heroic	2010	Denmark	182,060	32.80	Undisclosed	DD 10/2027, SS 10/2030
Yangze 905	2010	China	93,217	12.00	Greek, Modion Maritime	TC attached till early 2027 at USD12k pd, old sale, eco M/E, DD 10/2028, SS 12/2030
Ocean Rhea	2011	China	92,648	15.25	Chinese	DD/SS due 06/2027
Pendulum	2006	Japan	82,619	14.50	HK-based	Old sale and delivered, scrubber fitted, DD/SS due 10/2026
The Wise	2007	China	73,593	11.80	Turkish	Old sale and delivered
WF Artemis	2020	Japan	63,547	36.50	Undisclosed	Eco M/E, DD 05/2028, SS 04/2030
Wooyang Belos	2016	Japan	63,590	31.00	German	Eco M/E, DD/SS passed 02/2026, next DD 02/2029, SS 04/2031
Everest	2012	Korea	57,480	16.50	Chinese	DD/SS 08/2027
Ocean Hiryu	2003	Japan	52,982	7.90	Undisclosed	DD due 07/2026, SS 06/2028
Thor Infinity	2002	Tsuneishi Cebu, Philippines	52,383	7.80	Chinese	DD/SS due 01/2027
Asahi Ocean	2013	Japan	32,085	15.20	Chinese	DD 11/2028, SS 10/2030
TANKERS						
MFM Memphis	2011	Japan	48,020	26.00	Undisclosed	DD 07/2028, SS 09/2030
CONTAINERS						
Felixstowe	2002	Korea	50,790	54.00	MSC	4253 teu, reefers 400 teu, DD/SS 10/2027
Sunny Phoenix	2002	Korea	50,789			4253 teu, reefers 400 teu, DD/SS 09/2027
A Goryu	2023	Japan	11,817	26.50	Undisclosed	1096 teu, reefers 120 teu, gearless, eco M/E, DD/SS 02/2028
Alexander B	2006	Germany	18,530	11.50	Undisclosed	1221 teu, reefers 305 teu, ice class 1A, DD 09/2028, SS 09/2030
OTHERS						
BW Elm	2007	Korea	58,136	64.00	Undisclosed	LPG, 80645cbm, eco M/E, DD/SS 10/2027

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật:

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)				TB 5 năm
		07/2026	1M	3M	6M	12M

CAPE SIZE

180k dwt	Resale	81.50	0%	1%	4%	7%	64.75
180k dwt	5 tuổi	71.50	1%	1%	8%	13%	50.25
170k dwt	10 tuổi	56.00	2%	3%	11%	22%	35.50
150k dwt	15 tuổi	36.50	0%	0%	24%	35%	22.75

PANAMAX

82k dwt	Resale	45.50	6%	7%	15%	20%	38.25
82k dwt	5 tuổi	40.00	4%	8%	21%	31%	32.00
76k dwt	10 tuổi	30.50	5%	7%	17%	30%	23.25
74k dwt	15 tuổi	21.50	6%	12%	26%	43%	15.50

SUPRAMAX

62k dwt	Resale	43.00	0%	2%	12%	13%	36.50
58k dwt	5 tuổi	38.00	0%	3%	19%	25%	28.50
56k dwt	10 tuổi	28.50	2%	0%	16%	27%	20.75
52k dwt	15 tuổi	17.50	6%	12%	17%	28%	14.25

HANDYSIZE

37k dwt	Resale	36.00	0%	0%	6%	11%	30.50
37k dwt	5 tuổi	30.50	3%	3%	13%	20%	24.25
32k dwt	10 tuổi	24.00	4%	7%	19%	36%	16.75
28k dwt	15 tuổi	13.00	0%	4%	11%	10%	10.50

Giá trị tàu dầu/hóa chất (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)				TB 5 năm
		07/2026	1M	3M	6M	12M

VLCC

310k dwt	Resale	175.00	0%	0%	17%	19%	123.50
310k dwt	5 tuổi	145.00	0%	4%	21%	24%	95.50
250k dwt	10 tuổi	115.00	0%	5%	28%	32%	69.75
250k dwt	15 tuổi	83.50	4%	4%	35%	44%	49.75

SUEZMAX

160k dwt	Resale	119.00	3%	10%	22%	27%	83.75
150k dwt	5 tuổi	104.00	9%	18%	30%	35%	66.00
150k dwt	10 tuổi	89.00	11%	25%	39%	44%	50.50
150k dwt	15 tuổi	54.00	6%	23%	29%	32%	33.00

AFRAMAX

110k dwt	Resale	96.00	4%	10%	20%	28%	70.00
110k dwt	5 tuổi	85.00	6%	17%	26%	36%	56.50
105k dwt	10 tuổi	72.50	4%	21%	32%	45%	43.25
105k dwt	15 tuổi	47.00	4%	24%	31%	38%	29.00

MR

52k dwt	Resale	61.00	0%	7%	15%	22%	47.00
52k dwt	5 tuổi	51.00	0%	9%	19%	28%	37.75
45k dwt	10 tuổi	41.00	0%	11%	24%	37%	28.25
45k dwt	15 tuổi	29.00	0%	12%	38%	57%	19.00

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
LNG	175,000 cbm	225.00	4	Jiangnan	ADNOC	2029	Price per unit
LNG	90,000 cbm	118.00	2	Hyundai H.I.	Union Maritime	2029	Price per unit
Tankers	319,000 dwt	125.00	4	Jiangsu New Hantong	Mingsheng Financial Leasin	-	Price per unit, to be backed by 15 years timecharter from Clearlake at USD43,000 pd
Tankers	157,000 dwt	93.00	2	Samsung	J. P. Morgan	2029	Price per unit
Tankers	73,500 dwt	55.10	2	New Times	Andriaki, Greece	FH 2030	Price per unit
Tankers	50,000 dwt	51.30	6	-	Asyad Shipping	From FH 2029	Price per unit
Tankers	29,000 dwt	50.00	4	Taizhou Maple Leaf	MAC Shipping, Singapore	2029	Price per unit, stainless steel
Bulkers	210,000 dwt	80.50	2+2	Hengli	Polaris	SH 2028	Price per unit, against long term employment with Vale
Bulkers	40,000 dwt	32.50-33.00	4	Qidong Qianyao	German buyers	2028	Price per unit
Containers	6,000 teu	80.00	7	Hengli	Eastern Pacific	2027 (3), 2028 (4)	Price per unit
Containers	1,900 teu	32.00	2	CSSC Huangpu Wenchon	EGPN, Hong Kong	2029	Price per unit

Containers	1,100 teu	-	2	New Dayang	Shanghai Minsheng Shipping	2028-2029
PCTC	7,000 ceu	-	2	China Merchants Weihai	Aponte's Global Car Carriers	-
PCTC	7,000 ceu	-	2	Guangzhou Shipyard International	Aponte's Global Car Carriers	-
PCTC	6,800 ceu	-	6	China Merchants H.I. Yizheng	Aponte's Global Car Carriers	-

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	07/2026	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	75.0	0.00%	1.35%	4.90%	4.90%
Panamax (77.000 dwt)	37.5	0.00%	2.74%	2.74%	1.35%
Supramax (61.000 dwt)	34.5	0.00%	2.99%	2.99%	1.47%
Handysize (37.000 dwt)	31.0	0.00%	5.08%	5.08%	3.33%

Giá trị tàu dầu/dầu/hóa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	07/2026	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	130.0	0.00%	0.00%	1.56%	1.56%
Suezmax (170.000 dwt)	89.0	0.00%	0.00%	3.49%	3.49%
A.max (115.000 dwt)	74.0	1.35%	1.35%	1.35%	1.35%
MR (56.000 dwt)	50.5	0.99%	0.99%	-1.92%	-1.92%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

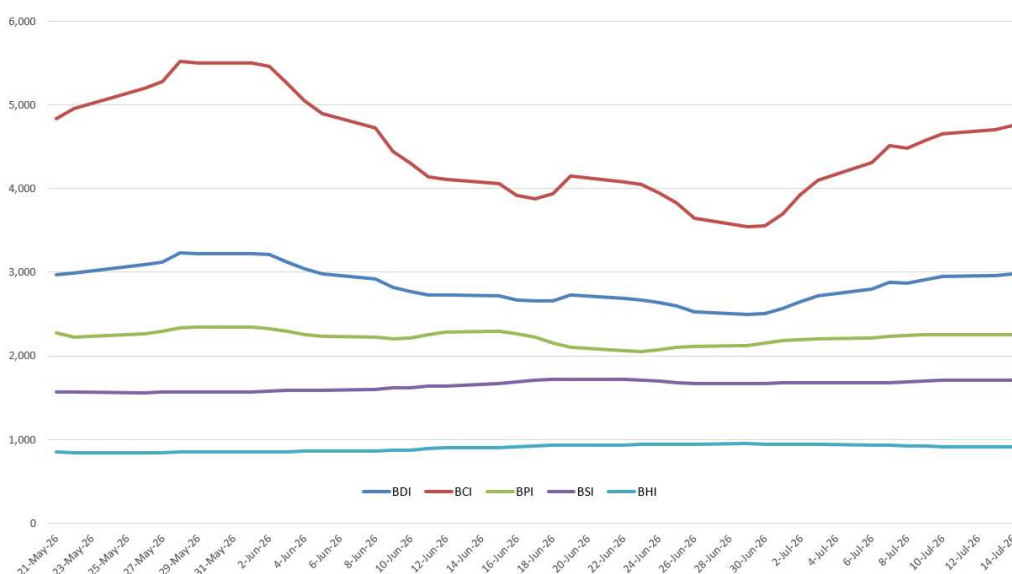
3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 13/07/2026

	US\$/ngày	▲/▼
SUPRAMAX	19.536	▲
HANDIES 38K	16.466	▼

(so sánh với giá trị ngày 06/07/2026)

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ

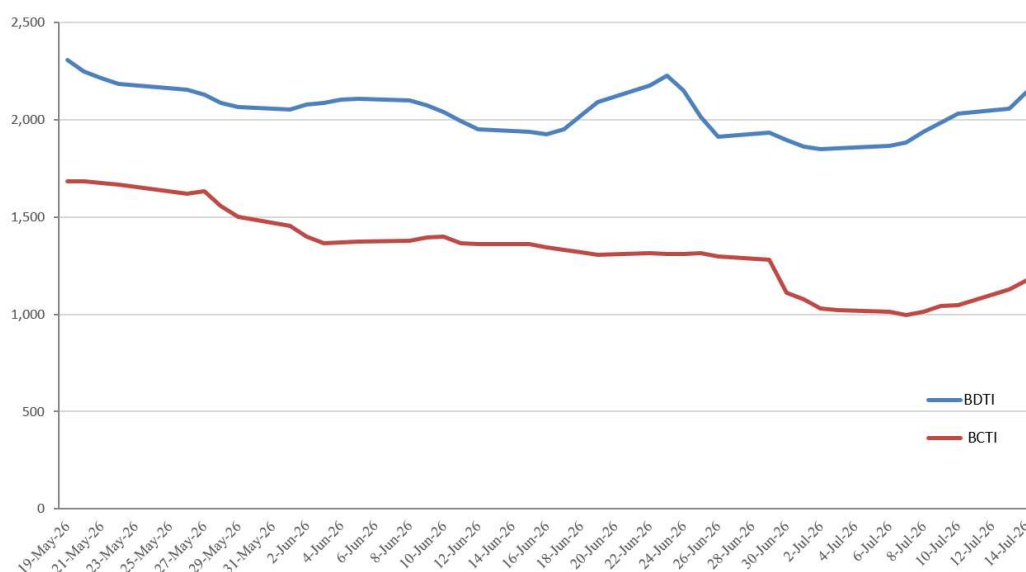


3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 28/2026			Giá thuê tàu định hạn tuần 27/2026		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	110,000	63,500	52,500	112,000	65,000	52,000
SUEZMAX	65,000	45,000	36,000	65,500	45,000	36,000
AFRAMAX	54,000	37,000	31,500	54,500	37,500	31,500
LR-2	53,000	37,000	32,000	53,000	37,000	32,000
LR-1	36,500	27,500	22,500	36,000	27,500	22,000
MR	27,000	23,000	19,500	27,000	23,000	19,500
HANDY	23,500	20,000	18,000	24,500	20,000	18,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO (dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu		Tàu container	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Pakistan	443-448		463-468		473-478	
2	Bangladesh	455-460	▼ 3	475-480	▼ 3	485-490	▼ 3
3	India	418-423		438-443		448-453	
4	Turkey	266-268		276-278		286-288	

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 28/2026

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/lt)	DWT	Comments
Fei Chi	Tankers	2006	11,061	-	515.00	42,054	As is Hong Kong, including bunkers
Yue Chi	Tankers	2006	11,061	-	515.00	42,054	As is Hong Kong, including bunkers
Seaturbo	Tankers	2000	9,080	India	426.00	32,230	Sanctioned vessel
Seabas	Tankers	2001	9,079	India	-	32,445	Sanctioned vessel
Valiant Roar	Tankers	1999	4,255	India	-	13,754	Sanctioned vessel
Bulan	Bulkers	1995	5,441	Bangladesh	470.00	23,829	

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIỀN PHONG PIONEER SHIPBROKERS MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn (S&P) | opn@pioneershipbrokers.com (chartering)

*Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên*